

Bản án số: 312/2026/DS-ST

Ngày: 26-6-2026

“V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Việt Phương.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hà và bà Nguyễn Thị Dung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Tú - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Bùi Bách Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 26/6/2026, tại Hội trường Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Hà Nội. Xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 124/2026/TLST-DS ngày 11/3/2026 về *“Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 177/2026/QĐST-DS ngày 03/6/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 173/2026/QĐST-DS ngày 22/6/2026, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP V (*viết tắt: V1*); địa chỉ: Số H L, phường Đ, thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Hồng B, chức vụ: Trưởng phòng cao cấp XLN pháp lý KHCN 1 và ông Vũ Ngọc Q, chức vụ: Trưởng phòng XLN pháp lý KHCN 2 (theo Văn bản uỷ quyền số 30 ngày 28/7/2025 của V1). Người được uỷ quyền lại tham gia tố tụng: Ông Trịnh Quang Đ và bà Đinh Huyền H - Chuyên viên xử lý nợ (theo văn bản uỷ quyền số 238 ngày 08/01/2026). Đại diện nguyên đơn vắng mặt đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Dương Văn T, sinh năm: 1981; địa chỉ: Tổ dân phố B, xã G (xã P), thành phố Hà Nội. CCCD số 030081000142 cấp ngày 08/10/2014 (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày có nội dung được tóm tắt như sau:* Ngày 29/01/2019 giữa: Ông Dương Văn T và Ngân hàng TMCP V (*viết tắt: V1*) có ký hợp đồng vay vốn theo Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín

dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử, cụ thể như sau: Số tiền cho vay là 20.000.000 đồng; Mục đích vay: Vay tiêu dùng; Thời hạn cho vay: 60 tháng; Lãi suất cho vay (Thẻ M): 47,88%/năm; V1 đã giải ngân cho ông T theo hợp đồng vay vốn được theo dõi trên hệ thống của V1 số LN1901301234705 (Mã hợp đồng 176-P-8509) ngày giải ngân 13/02/2019. Quá trình thực hiện hợp đồng ông T đã tắt toán toàn bộ tiền gốc và một phần tiền lãi. Do ông T có lịch sử thanh toán tốt nên V1 hỗ trợ tăng hạn mức tiêu dùng đối với thẻ cho ông T vay lên đến 42.500.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, sau khi tăng hạn mức đến ngày 14/5/2025 ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 03/6/2026 ông D1 trả cho V1 được số tiền gốc là 388.843 đồng. Đã nhiều lần V1 đôn đốc ông D1 tắt toán toàn bộ tiền gốc và tiền lãi nhưng ông T không thực hiện.

Tại phiên tòa hôm nay, V1 yêu cầu ông T phải trả toàn bộ gốc và lãi theo Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng D1, hợp đồng vay vốn được theo dõi trên hệ thống của V1 số LN1901301234705 (Mã hợp đồng 176-P-8509) được ký ngày 29/01/2019 (giải ngân ngày 13/02/2026) với tổng số tiền tạm tính đến ngày 26/6/2026 là 74.107.546 đồng, trong đó: Nợ gốc: 42.111.157 đồng; lãi phải trả: 30.466.091 đồng; phạt chậm trả: 1.530.298 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 27/6/2026 theo hợp đồng vay cho đến khi ông T1 thanh toán hết nợ cho V1. Yêu cầu tòa án tuyên trong bản án: V1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh, kê biên, phát mại các tài sản của ông Dương Văn T để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho V1.

** Đối với bị đơn ông Dương Văn T:* Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng bị đơn ông T đều vắng mặt không có lý do chính đáng, nên không có quan điểm. Việc triệu tập và tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án đúng quy định tại Điều 173, 174, 175, 177 và Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự.

** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Đối với bị đơn ông Dương Văn T đã nhiều lần được tổng đạt văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng đã vi phạm nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V. Buộc ông Dương Văn T phải trả cho V1 tổng số tiền gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 26/6/2026 là 74.107.546 đồng, trong đó: Nợ gốc: 42.111.157 đồng; lãi phải trả: 30.466.091 đồng; phạt chậm trả: 1.530.298 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 27/6/2026 theo hợp đồng vay cho đến khi ông T1 thanh toán hết nợ cho V1.

- Về án phí: Bị đơn ông T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Ngày 21/10/2025, Ngân hàng TMCP V (viết tắt: V1) nộp đơn khởi kiện đối với ông Dương Văn T, sinh năm: 1981; địa chỉ: Tổ dân phố B, xã G, thành phố Hà Nội tại Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Hà Nội để giải quyết vụ án tranh chấp Hợp đồng tín dụng. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án thụ lý giải quyết trên vụ án là đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn V1 có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn ông Dương Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng đều vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] *Về hợp đồng*: Ngày 29/01/2026, giữa: Nguyên đơn (V1) và bị đơn ông Dương Văn T có ký hợp đồng vay vốn tại V1 theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng Đ1 (*viết tắt: Hợp đồng hạn mức thẻ ngày 29/01/2026*), cụ thể như sau: Số tiền đề nghị cấp thẻ vay là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng); Mục đích vay: Vay tiêu dùng; Thời hạn cho vay: 60 tháng; Lãi suất cho vay (Thẻ M): 47,88%/năm; V1 đã giải ngân cho ông T theo hợp đồng vay vốn được theo dõi trên hệ thống của V1 số LN1901301234705 (Mã hợp đồng 176-P-8509) ngày giải ngân 13/02/2019. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ tiền gốc và tiền lãi đúng hạn, nên V1 hỗ trợ tăng hạn mức thẻ của ông T2 lên số tiền 42.500.000đ (Bốn mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng). *HDXX xét thấy*, Hợp đồng hạn mức thẻ ngày 29/01/2026 được ký giữa nguyên đơn và bị đơn nêu trên có hình thức, nội dung phù hợp với Bộ luật dân sự, Luật tổ chức tín dụng và đúng các quy định của pháp luật, có giá trị pháp lý và các bên phải có nghĩa vụ thi hành.

[3] *Về yêu cầu khởi kiện*: Tại phiên tòa, V1 yêu cầu ông T phải trả toàn bộ gốc và lãi theo Hợp đồng hạn mức thẻ ngày 29/01/2026 với tổng số tiền tạm tính đến ngày 26/6/2026 là 74.107.546 đồng, trong đó: Nợ gốc: 42.111.157 đồng; lãi phải trả: 30.466.091 đồng; phạt chậm trả: 1.530.298 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 27/6/2026 theo hợp đồng vay cho đến khi ông T1 thanh toán hết nợ cho V1. *HDXX xét thấy*: Sau khi ký Hợp đồng hạn mức thẻ ngày 29/01/2026, nguyên đơn đã phát hành thẻ tín dụng được theo dõi trên hệ thống của V1 số LN1901301234705 (Mã hợp đồng 176-P-8509) ngày giải ngân 13/02/2019 để bị đơn sử dụng tiền trong thẻ, thực tế bị đơn đã sử dụng tiền để chi tiêu cá nhân. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với nguyên đơn từ ngày 14/5/2025, nhiều lần nguyên đơn yêu cầu nhưng bị đơn không thanh toán. Quá trình giải quyết, nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án toàn bộ chứng cứ là Hợp đồng hạn mức thẻ ngày 29/01/2026 và các văn bản kèm theo được hai bên ký kết, thỏa thuận; bảng kê tính lãi và thông báo lãi suất của ngân hàng theo đúng quy định. Vì vậy, nguyên đơn

khởi kiện đề nghị bị đơn phải trả khoản tiền gốc, lãi nêu trên là có căn cứ, cần chấp nhận. Về lãi suất, cần tiếp tục duy trì thỏa thuận về lãi suất tại Hợp đồng hạn mức thẻ ngày 29/01/2026 và các văn bản được ký kết, thỏa thuận giữa V1 và ông Dương Văn T.

[4] Bác các yêu cầu khác của đương sự.

[5] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 117, 463, 468 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 1, 3 Điều 228, Điều 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V (viết tắt: V1) đối với bị đơn ông Dương Văn T.

1.1. Buộc bị đơn ông Dương Văn T phải trả nợ cho V1 tổng số tiền tính đến ngày 26/6/2026 là 74.107.546 đồng, trong đó: Nợ gốc: 42.111.157 đồng; lãi phải trả: 30.466.091 đồng; phạt chậm trả: 1.530.298 đồng theo Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng Đ1 (*viết tắt: Hợp đồng hạn mức thẻ ngày 29/01/2026*) được ký giữa V1 với ông Dương Văn T.

1.2. Kể từ ngày (04/6/2026) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng hạn mức thẻ ngày 29/01/2026 và các văn bản thỏa thuận hai bên đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản vay cho V1.

2. Bác các yêu cầu khác của đương sự.

3. Về án phí:

- Bị đơn ông Dương Văn T phải chịu số tiền án phí là 3.705.000đ (*Ba triệu bảy trăm linh năm nghìn đồng*).

- Trả lại nguyên đơn V1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.391.445đ (*Một triệu ba trăm chín mươi một nghìn bốn trăm bốn mươi lăm đồng*) theo biên lai thu ký hiệu BLTU/26E số 0004956 ngày 03/3/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND Khu vực 5 - Hà Nội;
- Phòng THA Khu vực 5 - Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Việt Phương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Việt Phương

